KÊNH HÌNH TRONG TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA LỊCH SỬ THẾ GIỚI: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH
Viện Ngôn ngữ học,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 10/9/2026. Sửa chữa xong 15/10/2026. Duyệt đăng 21/10/2026.

Abstract

Visual content provides information that complements written text and supports readers' understanding of encyclopedic entries. As an integral component of reference works, illustrations can convey information that is difficult to express verbally, facilitate faster and deeper comprehension, and improve the accessibility of entry content. The quality and effectiveness of visual content have therefore become important criteria for evaluating encyclopedias and other reference works. Based on a systematic examination of the illustrations in Nguyen Xuan Chuc's Encyclopedia of World History, this article analyzes their characteristics, composition, functions, and current use. It also proposes recommendations for improving the selection, organization, and presentation of visual content in encyclopedic dictionaries.

Keywords: *Encyclopedic dictionary, Encyclopedia of World History, illustrations, Nguyen Xuan Chuc, visual content.*

1. Đặt vấn đề

Các công trình bách khoa có vai trò quan trọng trong việc hệ thống hóa, lưu giữ và phổ biến tri thức thuộc nhiều lĩnh vực khoa học, văn hóa và đời sống xã hội. Chất lượng của một công trình bách khoa không chỉ phụ thuộc vào độ chính xác, tính cập nhật và mức độ đầy đủ của nội dung mục từ mà còn liên quan đến phương thức tổ chức thông tin, khả năng tra cứu và hiệu quả truyền tải tri thức tới người sử dụng. Trong đó, kênh hình là một thành tố cần được quan tâm trong quá trình biên soạn, bởi hình ảnh có thể bổ sung những thông tin mà ngôn ngữ khó diễn đạt đầy đủ, đồng thời hỗ trợ người đọc nhận diện và hình dung đối tượng được đề cập.

Trong phạm vi bài viết này, kênh hình được hiểu là hệ thống phương tiện biểu đạt thông tin bằng hình ảnh được sử dụng trong công trình bách khoa, bao gồm ảnh chụp, tranh vẽ, bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, niên biểu và các hình thức trực quan khác. Cách hiểu này nhấn mạnh chức năng thông tin của hình ảnh, thay vì chỉ xem hình minh họa là yếu tố trang trí hoặc phụ trợ cho văn bản. Tùy thuộc vào lĩnh vực tri thức, loại mục từ và đối tượng sử dụng, kênh hình có thể thực hiện các chức năng khác nhau như nhận diện đối tượng, minh chứng thông tin, mô tả cấu tạo, biểu đạt quan hệ không gian, thể hiện diễn biến thời gian và hỗ trợ tra cứu.

Đối với bách khoa thư lịch sử, kênh hình có ý nghĩa đặc biệt. Đối tượng của lịch sử bao gồm nhân vật, sự kiện, địa danh, thiết chế, hiện vật và những quá trình đã diễn ra trong quá khứ. Nhiều đối tượng không còn tồn tại hoặc không thể quan sát trực tiếp, vì vậy hình ảnh tư liệu, ảnh hiện vật, bản đồ và sơ đồ có thể giúp người đọc hình dung rõ hơn về đối tượng được mô tả. Tuy nhiên, giá trị của hình ảnh phụ thuộc vào độ xác thực, nguồn gốc, mức độ phù hợp với nội dung mục từ và cách thức trình bày. Một hình ảnh không chính xác hoặc thiếu thông tin nguồn có thể gây hiểu sai, ngay cả khi phần văn bản được biên soạn cẩn trọng.

Email: thuyquynhtdbk@gmail.com

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của hoạt động biên soạn từ điển và bách khoa thư ở Việt Nam, vấn đề tổ chức thông tin trong các công trình tra cứu đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Bên cạnh hệ thống mục từ và kênh chữ, kênh hình ngày càng được nhìn nhận là một thành tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả truyền đạt tri thức, tăng tính trực quan và khả năng tiếp nhận thông tin của người đọc. Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu chuyên sâu về kênh hình trong các công trình bách khoa còn tương đối hạn chế.

Ở góc độ lý luận biên soạn bách khoa thư, công trình *Lịch sử - lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa thư* của Hà Học Trạc (2004) đã trình bày tương đối toàn diện về quá trình hình thành, phát triển và những nguyên tắc cơ bản trong biên soạn bách khoa thư. Công trình này nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính khoa học, tính chính xác và tính hệ thống của mục từ, đồng thời đề cập đến vai trò của các yếu tố minh họa trong việc nâng cao giá trị của công trình tra cứu. Tuy nhiên, nội dung về kênh hình mới chỉ được đề cập ở mức khái quát, chưa phân tích cụ thể các tiêu chí lựa chọn, bố trí và sử dụng hình minh họa.

Trong quá trình triển khai Đề án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam, nhiều tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đã được ban hành nhằm thống nhất quy trình biên soạn giữa các chuyên ngành. *Tài liệu hướng dẫn biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam* (2017) đã đưa ra những yêu cầu chung đối với nội dung, hình thức trình bày và tiêu chuẩn của các mục từ. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến hệ thống kênh hình vẫn chủ yếu mang tính hướng dẫn nghiệp vụ, chưa xây dựng được một hệ thống tiêu chí đầy đủ đối với việc lựa chọn, chuẩn hóa và quản lý hình minh họa.

Đáng chú ý, Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ *Nghiên cứu xây dựng kênh hình cho Bách khoa toàn thư Việt Nam* do Đinh Ngọc Vượng chủ nhiệm (2020) là tài liệu chuyên biệt nghiên cứu về vấn đề này. Báo cáo đã bước đầu đề cập đến việc xây dựng nguồn dữ liệu hình ảnh phục vụ biên soạn bách khoa thư và nêu ra một số yêu cầu về tính xác thực, tính khoa học cũng như khả năng khai thác của tư liệu hình ảnh. Tuy nhiên, đây là tài liệu lưu hành nội bộ, chưa được công bố rộng rãi dưới dạng công trình khoa học nên mức độ lan tỏa và trao đổi học thuật còn hạn chế.

Ở lĩnh vực giáo dục, Ngô Thị Hải Yến (2017) đã nghiên cứu cơ sở khoa học của việc sử dụng kênh hình trong dạy học Địa lý ở trường phổ thông. Nghiên cứu khẳng định kênh hình không chỉ có chức năng minh họa mà còn là nguồn tri thức trực tiếp, góp phần phát triển năng lực quan sát, tư duy và nhận thức của người học. Mặc dù đối tượng nghiên cứu khác với công trình bách khoa, những kết luận về vai trò nhận thức của hình ảnh vẫn có ý nghĩa tham khảo đối với việc tổ chức kênh hình trong các công trình tra cứu.

Xét trên bình diện quốc tế, các bộ bách khoa thư hiện đại như *Encyclopaedia Britannica*, *Encyclopedia Americana* hay *Larousse Encyclopédie* đều coi hệ thống hình minh họa là một cấu phần không thể tách rời của mục từ. Hình ảnh được sử dụng theo những tiêu chuẩn chặt chẽ về nguồn gốc, bản quyền, chất lượng kỹ thuật và giá trị thông tin; đồng thời được kết hợp với bản đồ, sơ đồ, biểu đồ và đồ họa thông tin nhằm tăng khả năng truyền tải tri thức. Tuy nhiên, các công trình này chủ yếu phản ánh kinh nghiệm biên soạn quốc tế và chưa đi sâu vào điều kiện biên soạn bách khoa thư ở Việt Nam.

Nhìn chung, các nghiên cứu đã công bố mới tập trung vào lý luận biên soạn bách khoa thư hoặc vai trò chung của kênh hình trong truyền đạt tri thức. Chưa có nhiều công trình khảo sát một cách hệ thống việc sử dụng kênh hình trong từng bộ từ điển bách khoa chuyên ngành, đặc biệt là các công trình lịch sử.

Từ thực tiễn trên, vấn đề đặt ra là cần khảo sát cụ thể cách tổ chức và sử dụng kênh hình trong một công trình bách khoa chuyên ngành để nhận diện những ưu điểm, hạn chế và yêu cầu cần lưu ý trong biên soạn. Việc lựa chọn *Từ điển bách khoa lịch sử thế giới* làm trường hợp nghiên cứu vừa giúp làm rõ đặc điểm kênh hình trong một ấn phẩm cụ thể, vừa tạo cơ sở thực tiễn để thảo luận về những nguyên tắc có thể tham khảo khi xây dựng các công trình bách khoa khác.

Từ điển bách khoa lịch sử thế giới của Nguyễn Xuân Chúc, do Nhà xuất bản Từ điển bách khoa xuất

bản năm 2003, là đối tượng khảo sát của bài viết. Công trình dày 923 trang với dung lượng khoảng 6000 mục từ, bao quát bảy nhóm chủ đề: thuật ngữ lịch sử; sự kiện lịch sử thế giới và Việt Nam; địa danh lịch sử thế giới và Việt Nam; cơ quan, tổ chức mang tính chất lịch sử; nhân vật lịch sử tiêu biểu; tác phẩm kinh điển mang tính chất lịch sử; và các vấn đề lịch sử khác. Công trình sử dụng hệ thống hình minh họa với nhiều hình thức, trong đó có ảnh chân dung, tranh ảnh và phụ bản màu.

Bài viết hướng tới ba mục tiêu: 1) Khảo sát cơ cấu, đặc điểm phân bố và hình thức trình bày kênh hình trong Từ điển bách khoa lịch sử thế giới; 2) Phân tích những vấn đề đặt ra từ thực trạng sử dụng hình minh họa dưới góc độ Bách khoa thư học; 3) Đề xuất một số nguyên tắc xây dựng và định hướng chuẩn hóa kênh hình đối với các công trình bách khoa ở Việt Nam.

Bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu gồm: phương pháp thống kê để xác định số lượng và cơ cấu các loại hình minh họa; phương pháp phân loại nhằm hệ thống hóa các nhóm kênh hình; phương pháp phân tích và tổng hợp để làm rõ đặc điểm, chức năng và giá trị của hình minh họa; đồng thời sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu với một số nguyên tắc biên soạn bách khoa nhằm đưa ra các nhận xét và đề xuất phù hợp.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ cấu các loại hình minh họa

Theo kết quả khảo sát, toàn bộ công trình có tổng cộng 572 hình minh họa, gồm ba loại chính: ảnh chân dung, tranh ảnh và phụ bản màu. Ảnh chân dung có số lượng lớn nhất (với 375 ảnh) chiếm 65,6%, sau đó đến các hình phụ bản (134) chiếm 23,4% và các tranh ảnh (63) chiếm 11,1%.

Về ảnh chân dung: có ở những mục từ nhân vật thế giới và nhân vật Việt Nam. Tất cả các ảnh đều ở vị trí phải cột, tuy nhiên kích thước các ảnh không bằng nhau. Hầu như kích thước mỗi ảnh khác nhau: 3 x 5 cm, 3 x 6.5 cm, 3.8 x 3.1 cm, 3.5 x 4.2 cm, 3.9 x 6 cm, 4.2 x 4.9 cm, 3.7 x 6.1 cm, 3.9 x 5.8 cm, 3.3 x 6.7 cm, 3.2 x 3.7 cm, 4 x 7 cm, 3.9 x 8 cm, 2.8 x 3.7 cm, 3 x 4.4 cm... Ngoài ra còn có những hình ảnh dạng hình tròn hoặc bầu dục, ví dụ: ảnh Cuda A. (trang 151), ảnh Ivan IV (trang 334), ảnh Điat B (trang 195), ảnh Philip II (trang 589)… Các ảnh đều được ghi chú thích bằng chữ thường, in nghiêng, đặt ở dưới mỗi ảnh, cân chỉnh giữa ảnh.

Về tranh ảnh: bao gồm ảnh các vị thần, tượng phật có ở các mục từ địa danh, tổ chức và nhân vật. Các tranh ảnh được ghi chú thích bằng chữ thường, in nghiêng, đặt ở dưới mỗi ảnh, cân chỉnh giữa ảnh. Tuy nhiên, các ảnh không được quy ước về kích thước nên mỗi một ảnh có một kích thước khác nhau.

Về phụ bản màu: bao gồm một số hình ảnh thể hiện sự phát triển của lịch sử, văn minh cũng như những sự kiện chủ yếu trong tiến trình lịch sử nhân loại được in bằng loại giấy tráng phủ, với rất nhiều kích thước khác nhau: 15.5 x 7.9 cm, 11 x 5 cm, 10.2 x 6.5 cm, 12.3 x 7.2 cm, 8.2 x 6 cm, 17 x 7 cm, 17 x 4 cm, 9 x 5.4 cm, 7.6 x 7.4 cm, 12.3 x 7.8 cm, 12.1 x 7.8 cm, 17 x 9 cm… Các trang phụ bản màu xen kẽ các trong phần nội dung cuốn sách.

Hình minh họa chỉ có ở các chủ đề nhân vật, cơ quan - tổ chức và địa danh. Các chủ đề còn lại không có hình minh họa.

Mục từ thuộc chủ đề nhân vật có nhiều hình minh họa nhất (434 hình minh hoạ, chiếm 99,1%) nhưng không phải tất cả các mục từ về nhân vật đều có hình. Các loại hình minh họa gồm có: ảnh chân dung, ảnh 1 bức tượng hoặc các tranh vẽ liên quan đến nhân vật. Tuy chưa có tiêu chí phân biệt rõ về ảnh chân dung của thủ tướng, các vị lãnh đạo với ảnh các nhân vật khác là nhà văn, nhà khoa học hay các nghệ sĩ nhưng ta cũng nhận thấy điểm khác biệt: ảnh các vị lãnh đạo chỉ là ảnh chân dung chính diện, kích thước dạng hình chữ nhật, được chụp từ ngực trở lên. Ảnh các nhà khoa học, văn nghệ sĩ… có thể là ảnh chân dung chính diện (hoặc nghiêng) được chụp từ ngực trở lên, có thể là ảnh nửa người, có thể là ảnh toàn thân hoặc là ảnh chụp các bức tượng, ảnh chụp tác phẩm của các họa sĩ với các hình dạng là hình chữ nhật, hình tròn, hình bầu dục.

Các chủ đề về cơ quan, tổ chức chỉ có 3 hình minh họa (chiếm 0.7%) và mục từ về địa danh chỉ có 1 hình minh họa (chiếm 0,2%).

2.2. Một vài nhận xét về kênh hình trong Từ điển bách khoa lịch sử thế giới

Qua khảo sát kênh hình trong công trình Từ điển bách khoa lịch sử thế giới chúng tôi rút ra một số nhận xét về kênh hình trong công trình bách khoa chuyên ngành lịch sử như sau:

Các mục từ có hình ảnh minh họa trong công trình bách khoa gồm: Mục từ thuộc chủ đề nhân vật lịch sử; mục từ thuộc chủ đề địa danh lịch sử (di tích, đình, chùa, đền...); mục từ thuộc chủ đề cơ quan, tổ chức lịch sử. Trong đó, hình minh họa có nhiều nhất ở chủ đề nhân vật. Sau đó là chủ đề địa danh lịch sử và cơ quan tổ chức. Các chủ đề khác không có hình minh họa.

Kênh hình trong công trình bách khoa chuyên ngành Lịch sử gồm nhiều thể loại khác nhau như: Ảnh chân dung là các nhân vật thế giới; ảnh chân dung là các nhân vật Việt Nam; chân dung các vị lãnh đạo; ảnh chân dung là các nhà văn, nhà khoa học, nghệ sĩ…; ảnh chụp các địa danh lịch sử; ảnh vẽ các vị thần, tượng phật… trong các địa danh đó; ảnh chụp các vị thần, tượng phật… trong các địa danh đó; ảnh chụp các cơ quan, tổ chức; ảnh chụp các sơ đồ, trận đánh lịch sử…Các ảnh chân dung có ở các mục từ về nhân vật. Ảnh chân dung có cả ảnh vẽ và ảnh chụp, thường là ảnh đen trắng, chưa có tiêu chí phân biệt giữa ảnh lãnh tụ Việt Nam với ảnh lãnh tụ thế giới, giữa chính khách với danh nhân, giữa nhân vật chính diện với nhân vật phản diện... Ảnh chân dung cũng có nhiều dạng: hình tròn, bầu dục, hình chữ nhật với các kích thước khác nhau.

Hình minh họa ở chủ đề mục từ về địa danh gồm cả ảnh di tích, danh lam thắng cảnh, ảnh các tượng phật, vị thần. Tuy nhiên, chưa có quy định về tiêu chí, cách trình bày, kích cỡ, màu sắc ảnh. Các hình ảnh minh họa trong công trình bách khoa về lịch sử chưa đề ra tiêu chí về kích cỡ, màu sắc, vị trí (trái cột, phải cột, toàn cột, toàn trang), ghi chú... cho các loại minh hoạ nói chung. Việc ghi chú thích ở các hình minh họa chưa thống nhất, chưa đề ra quy tắc cụ thể nên dẫn đến tình trạng, trong cùng một công trình nhưng mỗi hình minh họa lại ghi chú thích theo cách khác nhau, chưa đồng nhất với kênh chữ.

3. Nguyên tắc xây dựng kênh hình và đề xuất chuẩn hóa đối với các công trình bách khoa ở Việt Nam

3.1. Nguyên tắc bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy của hình ảnh

Tính chính xác là yêu cầu nền tảng đối với mọi thành tố thông tin trong công trình bách khoa, bao gồm cả kênh hình. Nếu nội dung văn bản cần được kiểm chứng về tên gọi, niên đại, sự kiện và dữ kiện, thì hình minh họa cũng phải được xem xét về đối tượng thể hiện, nguồn gốc, thời gian và ngữ cảnh sử dụng.

Từ yêu cầu này, có thể đề xuất một số tiêu chí lựa chọn hình ảnh:

- Hình ảnh phải phù hợp với đối tượng và nội dung của mục từ;

- Nguồn hình ảnh phải được xác định và ghi nhận trong hồ sơ biên tập;

- Thông tin về danh tính, địa điểm, thời gian hoặc loại hình tư liệu phải được kiểm tra trong phạm vi có thể;

- Những hình ảnh có tính chất phục dựng, phỏng dựng hoặc còn tranh luận về nguồn gốc cần được chú thích rõ;

- Không sử dụng hình ảnh chỉ vì tính hấp dẫn thị giác nếu hình ảnh không đóng góp thông tin cần thiết cho mục từ.

Đối với những trường hợp không thể xác định chắc chắn nguồn gốc hoặc danh tính, ban biên tập cần cân nhắc không sử dụng, hoặc phải ghi rõ giới hạn của thông tin. Việc minh bạch hóa mức độ chắc chắn của tư liệu là cần thiết để tránh tạo ra ấn tượng sai lệch cho người đọc.

3.2. Nguyên tắc phù hợp giữa hình ảnh và loại mục từ

Mỗi nhóm mục từ có đặc điểm nội dung và nhu cầu thông tin riêng, vì vậy việc lựa chọn hình ảnh cần căn cứ vào chức năng mà hình ảnh có thể đảm nhiệm. Đây là nguyên tắc quan trọng nhằm tránh

tình trạng sử dụng hình minh họa một cách hình thức hoặc lặp lại thông tin đã được trình bày đầy đủ bằng văn bản.

Đối với mục từ nhân vật, ảnh chân dung có thể là lựa chọn phù hợp khi mục tiêu là giúp người đọc nhận diện đối tượng. Trong trường hợp nhân vật gắn với một tác phẩm, phát minh, công trình hoặc hoạt động cụ thể, hình ảnh về tác phẩm hay đối tượng liên quan có thể cung cấp thông tin bổ sung. Tuy nhiên, cần tránh để ảnh minh họa thay thế cho những thông tin cốt yếu như danh tính, vai trò lịch sử và bối cảnh hoạt động của nhân vật.

Đối với mục từ địa danh, hình ảnh có thể bao gồm ảnh toàn cảnh, ảnh di tích, bản đồ vị trí hoặc sơ đồ không gian. Việc lựa chọn cần dựa trên nội dung trọng tâm của mục từ: nếu mục từ giới thiệu vị trí địa lý, bản đồ có thể hữu ích hơn một bức ảnh phong cảnh; nếu mục từ giới thiệu một di tích, ảnh chụp hiện trạng hoặc ảnh tư liệu có thể giúp nhận diện đối tượng trực tiếp hơn.

Đối với mục từ cơ quan và tổ chức, sơ đồ cơ cấu, biểu trưng, ảnh trụ sở hoặc tài liệu lịch sử có thể được sử dụng khi chúng thực sự bổ sung thông tin. Đối với mục từ sự kiện, chiến tranh hoặc tiến trình lịch sử, bản đồ diễn biến, sơ đồ quan hệ và niên biểu có thể giúp thể hiện những mối liên hệ khó diễn đạt ngắn gọn bằng văn bản.

Từ đó, có thể đề xuất xây dựng một bảng hướng dẫn lựa chọn loại hình minh họa theo nhóm mục từ. Bảng này cần mang tính định hướng, không phải quy định cứng buộc mỗi mục từ phải có hình. Quyết định sử dụng hình ảnh cần dựa trên giá trị thông tin, mức độ cần thiết, khả năng tiếp cận tư liệu và dung lượng của công trình.

Nguyên tắc phù hợp cũng đòi hỏi ban biên tập phân biệt giữa "có hình" và "hình có giá trị thông tin". Một mục từ có hình nhưng hình không bổ sung tri thức đáng kể chưa chắc đã tốt hơn một mục từ chỉ có văn bản. Ngược lại, đối với những đối tượng khó nhận diện hoặc những mối quan hệ khó mô tả bằng lời, hình ảnh phù hợp có thể làm tăng đáng kể hiệu quả tra cứu.

3.3. Nguyên tắc thống nhất và linh hoạt trong trình bày

Kết quả khảo sát ghi nhận các hình trong *Từ điển bách khoa lịch sử thế giới* có kích thước và hình dạng khác nhau, đồng thời đặt ra vấn đề về tính thống nhất trong chú thích. Từ thực trạng này, cần phân biệt hai yêu cầu: thống nhất về quy cách biên tập và linh hoạt về hình thức thể hiện.

Thống nhất không có nghĩa là tất cả hình ảnh phải có cùng kích thước, cùng tỷ lệ hoặc cùng vị trí. Một ảnh chân dung, một bản đồ và một sơ đồ có chức năng khác nhau nên không thể áp dụng hoàn toàn cùng một cách trình bày. Điều cần thống nhất là hệ thống quy tắc giúp người biên tập quyết định kích thước, vị trí, chú thích và nguồn dẫn một cách có căn cứ.

Có thể đề xuất chuẩn hóa những nội dung sau:

Về kích thước: quy định các mức kích thước hoặc nhóm kích thước phù hợp với từng loại hình.

Về vị trí: xác định nguyên tắc bố trí hình trong mối liên hệ với mục từ.

Về chú thích: thống nhất kiểu chữ, vị trí, cách đánh số và cách ghi tên đối tượng.

Về chất lượng hình ảnh: quy định yêu cầu tối thiểu đối với độ rõ nét, độ tương phản và khả năng tái hiện khi in.

Về cách trình bày theo loại hình: xây dựng hướng dẫn riêng cho ảnh chân dung, ảnh hiện vật, tranh vẽ, bản đồ, sơ đồ và biểu đồ.

Như vậy, chuẩn hóa hình thức trình bày không nhằm loại bỏ sự đa dạng của hình ảnh mà nhằm bảo đảm sự đa dạng đó được tổ chức một cách có chủ đích, phục vụ tốt nhất cho chức năng thông tin.

3.4. Nguyên tắc minh bạch nguồn tư liệu và quyền sử dụng

Nguồn gốc của hình ảnh là một bộ phận quan trọng của thông tin khoa học. Trong công trình bách khoa, người đọc không chỉ cần biết hình ảnh thể hiện đối tượng nào mà còn có thể cần biết hình ảnh được lấy từ đâu, do ai thực hiện, được ghi nhận vào thời điểm nào và có những giới hạn gì về khả năng diễn giải.

Việc minh bạch nguồn tư liệu đặc biệt quan trọng đối với ảnh lịch sử, tranh phục dựng và hình ảnh được khai thác từ các kho lưu trữ. Cùng một đối tượng có thể có nhiều hình ảnh khác nhau, nhưng không phải hình nào cũng có giá trị tư liệu tương đương. Việc xác định nguồn giúp ban biên tập đánh giá mức độ phù hợp, hạn chế nhầm lẫn và tạo điều kiện để kiểm tra khi cần thiết.

Bên cạnh yêu cầu khoa học, quyền sử dụng hình ảnh cần được xem xét ngay trong quá trình thu thập tư liệu. Hồ sơ biên tập nên ghi rõ căn cứ sử dụng, điều kiện cấp phép hoặc những hạn chế liên quan. Đây là nội dung cần được chuẩn hóa để giảm rủi ro pháp lý và bảo đảm khả năng khai thác lâu dài của hệ thống kênh hình.

4. Kết luận

Kênh hình là một thành tố có ý nghĩa trong tổ chức và truyền tải tri thức của các công trình bách khoa. Đối với bách khoa thư lịch sử, hình minh họa có thể hỗ trợ nhận diện nhân vật, giới thiệu hiện vật và địa danh, đồng thời góp phần thể hiện những mối quan hệ không gian và tiến trình lịch sử. Tuy nhiên, giá trị của kênh hình không chỉ phụ thuộc vào số lượng hình ảnh mà còn liên quan đến tính chính xác, mức độ phù hợp với nội dung mục từ, chất lượng tư liệu, cách trình bày và khả năng tra cứu.

Thông qua khảo sát *Từ điển bách khoa lịch sử thế giới* của Nguyễn Xuân Chúc, bài viết đề xuất các nguyên tắc xây dựng kênh hình từ đó kiến nghị xây dựng hướng dẫn chung về kênh hình, phát triển tiêu chí riêng cho từng chuyên ngành, thiết lập danh mục kiểm tra chất lượng và từng bước hình thành cơ sở dữ liệu hình ảnh phục vụ biên soạn bách khoa thư.

Đóng góp chính của bài viết là chuyển kết quả khảo sát một công trình cụ thể thành những vấn đề có ý nghĩa đối với thực tiễn biên soạn và chuẩn hóa kênh hình. Để kiểm chứng và hoàn thiện các đề xuất, những nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát sang các công trình bách khoa thuộc những lĩnh vực khác nhau, xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá có thể áp dụng thống nhất và thử nghiệm các tiêu chí đó trong quy trình biên tập thực tế. Đây là hướng nghiên cứu cần thiết nhằm nâng cao chất lượng kênh hình, đồng thời góp phần hoàn thiện phương pháp tổ chức và phổ biến tri thức trong các công trình bách khoa ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Đề án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam (2017). *Tài liệu hướng dẫn biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam*.

Đinh Ngọc Vượng (2020). *Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng kênh hình cho Bách khoa toàn thư Việt Nam* [Báo cáo lưu hành nội bộ]. Đề án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam.

Hà Học Trạc (2004). *Lịch sử – lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*. NXB Từ điển Bách khoa.

Ngô Thị Hải Yến (2017). Cơ sở khoa học của việc sử dụng kênh hình trong dạy học Địa lý ở nhà trường phổ thông. *Tạp chí Nghiên cứu Lý luận*, (138), 61–63.

Nguyễn Xuân Chúc (2003). *Từ điển bách khoa lịch sử thế giới*. NXB Từ điển Bách khoa.